TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 05/2025/KDTM-ST Ngày: 28 - 02 - 2025 V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Duy Văn

2. Ông Phạm Tuấn Tú

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Hoàng Văn Quyết - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương*** *tham gia phiên tòa:* Bà Đặng Thị Thanh T - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 125/2023/TLST-KDTM ngày 26 tháng 12 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2025/QĐXXST-KDTM ngày 06 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần K (viết tắt Công ty T1); địa chỉ trụ sở: Số B, Lô I, đường Đ, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương. SĐT: 0274.2220.666

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Ngô Công H, sinh năm 1995; địa chỉ: Số C đường D, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương; địa chỉ liên hệ: Số B, Lô I, đường Đ, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Giấy ủy quyền ngày 29/3/2024), có mặt.

2. Bị đơn: Công ty TNHH T2 (viết tắt Công ty T2); địa chỉ trụ sở: L, Tổ B, Khu phố C, phường M, thị xã C, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn của bị đơn: Ông Trần Văn B; địa chỉ: Tổ A, ấp H, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện H, tỉnh Bình Phước, là người đại diện theo pháp luật của bị đơn (Chức vụ: Giám đốc), có đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***- Tại Đơn khởi kiện đề ngày 15/11/2023 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và đại diện nguyên đơn trình bày*:**

Chi nhánh Công ty T1 có ký Hợp đồng mua bán số 05 ngày 07/3/2002 với Công ty T2 về việc cung cấp bê tông trộn sẵn cho các công trình của Công ty T2.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Chỉ nhánh Công ty T1 đã thực hiện việc giao hàng tới công trình của Công ty T2 theo đúng theo yêu cầu về số lượng, chất lượng của Công ty T2. Tuy nhiên, Công ty T2 không thanh toán đúng theo thỏa thuận quy định tại Điều 2 và Điều 3 của hợp đồng.

Do đó, Công ty T1 khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết:

- Buộc Công ty T2 phải thanh toán số tiền 66.324.440đ (sáu mươi sáu triệu, ba trăm hai mươi bốn ngàn bốn trăm bốn mươi đồng), trrong đó: tiền nợ gốc 50.960.000 đồng; tiền lãi chậm thanh toán tạm tính từ ngày 22/3/2022 đến ngày khởi kiện 15/11/2023: 50.960.000 đồng x 0,05% x 603 ngày = 15.364.440 đồng

Công ty T1 giao nộp các tài liệu, chứng cứ sau: *Giấy đăng ký doanh nghiệp Công ty T1 (bản chứng thực); Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh Công ty T1 (bản photo); Giấy ủy quyền số 13/KDPT-GUQ ngày 21/3/2023 (bản photo); Hợp đồng mua bán số 05/HĐMB2022 ngày 07/3/2022 (bản photo); Phiếu giao nhận bê tông ngày 15/3/2022 (bản photo); Hoá đơn giá trị gia tăng ngày 15/3/2022 (bản photo); Biên bản xác nhận công nợ (TK131) ngày 31/12/2022 (bản photo).*

- Tại Biên bản lấy lời khai ngày 20/01/2025 của Tòa án nhân huyện H, đại diện bị đơn ông Trần Văn B trình bày:

Ông Trần Văn B là giám đốc Công ty T2. Ngày 07/3/2022, Công ty T2 có ký kết hợp đồng mua bán số 05 với Công ty Cổ phần K. Hàng hóa Công ty T2 mua là bê tông tươi, đơn giá 1.150.000 đồng/khối. Số lượng mua bao nhiêu, ông B không nhớ, số lượng căn cứ theo phiếu xe giao hàng. Công ty T2 đã thanh toán cho Công ty T1 số tiền bao nhiêu, ông B không nhớ. Hiện nay, Công ty T2 còn nợ Công ty Cổ phần K số tiền theo Biên bản xác nhận nợ đúng như đơn khởi kiện của Công ty T1. Ông B đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ông B giao nộp cho Tòa án đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt đề ngày 20/01/2025 có xác nhận của Nhà tạm giữ Công an huyện H.

Tại phiên tòa,

- Đại diện nguyên đơn không giao nộp thêm chứng cứ cho Tòa án, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về tiền nợ gốc là 50.960.000 đồng, thay đổi 01 phần yêu cầu khởi kiện về tiền lãi. Tiền lãi tính từ ngày 22/3/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm 28/02/2025 là: 27.365.520 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi là: 78.325.552 đồng.

- Đại diện bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng, do đó căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa xét xử vắng mặt đại diện bị đơn.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

+ Về số tiền nợ gốc: Ngày 07/3/2022, Công ty T1 và Công ty T2 ký kết Hợp đồng mua bán hàng hóa số 05/HĐMB2022 về việc cung cấp bêtông trộn sẵn cho các công trình của Công ty T2. Phía nguyên đơn đã giao hàng cho bị đơn theo đúng thỏa thuận. Theo như Biên bản xác nhận công nợ ngày 31/12/2022 mà hai bên ký kết thì số tiền Công ty T2 còn nợ là 50.960.000 đồng. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ 50.960.000 đồng là phù hợp quy định tại Điều 50 Luật Thương mại năm 2005 nên có căn cứ chấp nhận.

+ Về lãi suất chậm thanh toán: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 22/3/2022 đến ngày 28/02/2025 với mức lãi 0,05%/ngày là 27.365.520 đồng. Theo quy định tại Điều 306 của Luật thương mại, quy định quyền yêu cầu tiền lãi do chậm thanh toán "*Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác*". Căn cứ theo thỏa thuận tại khoản 3.5 Điều 3 của Hợp đồng mua bán, nếu Công ty T2 chậm thanh toán phải chịu tiền lãi chậm thanh toán 0,05%/ngày, lãi suất này là phù hợp với Điều 306 Luật thương mại và Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015 nên có căn cứ chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở ý kiến trình bày của đại diện nguyên đơn, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án (quy định tại khoản 1, Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015). Về thẩm quyền, các đương sự thỏa thuận nếu có tranh chấp xảy ra thì Tòa án có thẩm quyền nơi Công ty K đặt trụ sở chính giải quyết. Thỏa thuận của các đương sự phù hợp điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Về thời hiệu, đại diện bị đơn không có yêu cầu Tòa án áp dụng quy định thời hiệu khởi kiện nên Tòa án không nhận định về thời hiệu khởi kiện, xác định tranh chấp này thuộc trường hợp không áp dụng thời hiệu khởi kiện quy định tại khoản 2 Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét hợp đồng mua bán hàng hóa, thấy rằng: Ngày 07/3/2022, Chi nhánh Công ty T1 và Công ty T2 có ký kết hợp đồng mua bán số 05. Hình thức hợp đồng phù hợp khoản 1 Điều 24 Luật Thương mại. Nội dung thỏa thuận trong hợp đồng trái pháp luật nên phát sinh hiệu lực.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện về tiền nợ gốc, thấy rằng:

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty T1 đã giao hàng hóa đúng thỏa thuận theo Phiếu giao nhận bê tông số 1598 ngày 15/3/2022 và xuất hóa đơn giá trị gia tăng số 0006131 ngày 15/3/2022 cho người mua hàng là Công ty T2.

Đồng thời, ngày 31/12/2022, 02 công ty ký kết Biên bản xác nhận công nợ tính đến ngày 31/12/2022 là 50.960.000 đồng. Cả 03 chứng cứ này đều có bản chính để đối chiếu và được ông Trần Văn B, đại diện bị đơn thừa nhận chưa trả số tiền nợ trên. Do đó, căn cứ Điều 50 Luật Thương mại, Tòa chấp nhận yêu cầu khởi kiện về tiền nợ gốc của nguyên đơn.

[3.2] Xét yêu cầu khởi kiện về tiền lãi chậm thanh toán, thấy rằng: Tại mục mục 3.2 và 3.5 Điều 3 của Hợp đồng mua bán số 05/HĐMB2022 ngày 07/3/2022, các bên thỏa thuận: "*Công ty TNHH T2 có trách nhiệm thanh toán cho Công ty CP K trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày Công ty CP K hoàn tất việc giao hàng hoặc xuất hóa, nếu quá 05 ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán mà Công ty TNHH T2 chưa thanh toán thì phải thanh toán thêm tiền lãi chậm thanh toán là 0,05%/ngày"*. Thỏa thuận trên phù hợp Điều 306 Luật Thương mại năm 2005 và Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015, nguyên đơn tính đúng số tiền lãi và được ông Trần Văn B, đại diện bị đơn đồng ý trả nên Tòa chấp nhận.

[4] Từ những nhận định trên, xét thấy ý kiến phát biểu về việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty T2 phải chịu án phí đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty T1 được Tòa án chấp nhận. Công ty T1 được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước đây tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 92, các điều 146, 184, 227, 228, 266, 271, 273, 278, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các điều 24, 34, 50, 306 Luật Thương mại năm 2005 và Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty CP K đối với Công ty TNHH T2 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

- Về tiến nợ: Buộc Công ty TNHH T2 trả cho Công ty CP K số tiền 78.325.552đ (bảy mươi tám triệu, ba trăm hai mươi lăm ngàn năm trăm năm mươi hai đồng), trong đó: tiền nợ gốc 50.960.000 đồng, tiền lãi chậm trả tính từ ngày 22/03/2022 – 28/02/2025 là 27.365.520 đồng theo Biên bản xác nhận công nợ tính đến ngày 31/12/2022.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (28/02/2025) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi chậm trả trên số tiền nợ gốc theo thỏa thuận trong Hợp đồng mua bán số 05 ngày 07/3/2022.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Buộc Công ty TNHH T2 chịu số tiền 3.916.000đ (ba triệu chín trăm mười sáu ngàn đồng), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một

- Công ty CP K được nận lại số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng) đã nộp trước đây theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000605 ngày 13/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện Kiểm sát kháng nghị bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thanh Bình